mài chá

麦茬

noun · wheat stubble

Example Sentences

tián lǐ yǒu hěn duō mài chá
田里有很多麦茬。

There is a lot of wheat stubble in the field.

shōu gē hòu mài chá liú zài dì lǐ
收割后，麦茬留在地里。

After harvesting, the wheat stubble remains in the field.

nóng mín bǎ mài chá fān jìn tǔ lǐ dàng zuò féi liào
农民把麦茬翻进土里，当作肥料。

Farmers plow the wheat stubble into the soil to use as fertilizer.

Trace each character, then write the word on your own.

麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦

茬 茬 茬 茬 茬 茬 茬 茬 茬 茬 茬

茬